

Số: 1563/QĐ-ĐHTL

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định về học phí, miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập,
hỗ trợ học tập và trợ cấp xã hội đối với sinh viên
Trường Đại học Thủy lợi**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI

Căn cứ Quyết định số 1249/BNN-TCCB ngày 29 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT/BGD&ĐT-BTC-BLĐT&XH ngày 25 tháng 8 năm 1998; và Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT/BGD&ĐT-BTC-BLĐT&XH ngày 03 tháng 8 năm 2009 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Chính trị & Công tác sinh viên, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Nay ban hành kèm theo Quyết định này: “Quy định về học phí, miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập và trợ cấp xã hội đối với sinh viên Trường Đại học Thủy lợi”.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 770/QĐ-ĐHTL ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủy lợi.

Điều 3: Các ông/bà Trưởng Phòng Chính trị & Công tác sinh viên, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Trưởng các khoa, trung tâm, phân hiệu Miền Nam, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (để b/c);
- Như điều 3;
- Lưu VT, CT&CTSV, TC-KT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)
GS.TS Nguyễn Trung Việt**

**QUY ĐỊNH VỀ HỌC PHÍ, MIỄN GIẢM HỌC PHÍ,
HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP, HỖ TRỢ HỌC TẬP VÀ TRỢ CẤP XÃ HỘI
ĐỐI VỚI SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI**

*(Kèm theo Quyết định số 1563 /QĐ-ĐHTL ngày 25 tháng 10 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủy lợi)*

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy định này nhằm cụ thể hóa các chính sách về học phí, miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập và trợ cấp xã hội đối với sinh viên Trường Đại học Thủy lợi (sau đây gọi là Trường) được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học; Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người; Thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT/BGD&ĐT-BTC-BLĐT&XH ngày 25/8/1998 và Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT/BGD&ĐT-BTC-BLĐT&XH ngày 03/8/2009 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về học phí; đối tượng, mức và quy trình thực hiện miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập và trợ cấp xã hội đối với sinh viên đang học tại Trường Đại học Thủy lợi.
2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên đại học và liên thông cao đẳng lên đại học đang học tại Trường Đại học Thủy lợi.

CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH VỀ HỌC PHÍ

Điều 3. Quy định về thu học phí

1. Thời gian thu học phí

- Học phí của học kỳ chính và học kỳ thực hiện Học phần tốt nghiệp được thu một lần vào tuần học thứ tư của mỗi giai đoạn học.
- Học phí của học kỳ song song với học kỳ chính, học kỳ hè được thu vào tuần học thứ hai của mỗi kỳ học.

2. Mức thu học phí

2.1. Học phí của trường được xác định cho từng năm học và căn cứ vào khung học phí quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021.

Học phí được thông báo công khai trước mỗi năm học và nhằm khuyến khích sinh viên thực hiện kế hoạch học tập đúng thời hạn quy định.

Học phí được xác định căn cứ theo số học phần mà sinh viên đăng ký học trong mỗi kỳ và bằng tổng số tín chỉ quy định cho các học phần đó nhân với mức tiền học phí của 1 tín chỉ. Riêng với sinh viên học theo chương trình tiên tiến, học phí xác định như sau:

- Đối với các môn học Lý luận chính trị, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng: Học phí được xác định căn cứ theo số học phần mà sinh viên đăng ký học và bằng tổng số tín chỉ quy định cho các học phần đó nhân với mức tiền học phí của 1 tín chỉ quy định cho chương trình đại học khối kỹ thuật.

- Các môn học bằng tiếng Anh (theo chương trình của trường đối tác) và môn học tiếng Anh: Học phí được xác định căn cứ theo số học phần mà sinh viên đăng ký học và bằng tổng số tín chỉ quy định cho các học phần đó nhân với mức tiền học phí của 1 tín chỉ quy định cho chương trình tiên tiến.

2.2. Đối với các môn học, sinh viên được Nhà trường cho phép miễn hoặc không phải học: không phải nộp học phí.

2.3. Đối với sinh viên được Nhà trường cho phép ngừng học, thôi học trong học kỳ hoặc dừng thực hiện học phần tốt nghiệp (HPTN), học phí phải nộp như sau:

TT	Thời gian theo học trong kỳ hoặc thời gian đã thực hiện HPTN	Mức học phí phải nộp	
		Tại kỳ chính	Tại kỳ song song hoặc kỳ hè
1	Dưới 10 ngày	Không phải nộp	Không phải nộp
2	Từ 10 ngày ÷ dưới 20 ngày	Nộp 30% học phí	Nộp 50% học phí
3	Từ 20 ngày ÷ dưới 40 ngày	Nộp 70% học phí	Nộp 100% học phí
4	Từ 40 ngày trở lên	Nộp 100% học phí	

Ghi chú:

- Học phí phải nộp tính dựa trên số tín chỉ sinh viên đã học theo thời gian tính từ khi tín chỉ bắt đầu học trong học kỳ đó cho đến thời điểm ngừng học, thôi học hoặc dừng thực hiện HPTN theo Quyết định của Nhà trường;

- Số ngày tính nộp học phí xác định theo ngày làm việc (không bao gồm ngày nghỉ, ngày Lễ Tết).

Điều 4. Xử lý sinh viên đóng học phí không đúng hạn

1. Sinh viên thực hiện không theo đúng quy định về nộp học phí tại khoản 1 Điều 3 của Quy định này, sinh viên sẽ bị xử lý như sau:

- Đối với sinh viên đang học các môn học: Khóa tài khoản đăng ký học ít nhất 01 học kỳ cho đến khi sinh viên hoàn thành học phí;

- Đối với sinh viên đang trong thời gian thực hiện Học phần tốt nghiệp: Sinh viên không được bảo vệ Học phần tốt nghiệp. Sinh viên chỉ được bảo vệ Học phần tốt nghiệp cùng với các đợt sau (theo kế hoạch trường tổ chức) nếu đã hoàn thành học phí.

2. Sau khi hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ về học phí, sinh viên làm đơn nộp về phòng Chính trị và Công tác sinh viên để được xem xét mở tài khoản đăng ký học hoặc được bảo vệ Học phần tốt nghiệp ở các đợt sau theo kế hoạch của Nhà trường.

3. Trong trường hợp đặc biệt, sinh viên muốn nộp chậm học phí, phải làm đơn nộp về Nhà trường (qua phòng Chính trị & Công tác sinh viên) trước thời hạn thu học phí để được xem xét giải quyết.

CHƯƠNG III. QUY ĐỊNH VỀ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ

Điều 5. Đối tượng được miễn học phí

a) Đối tượng 1: Sinh viên thuộc đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng. Cụ thể:

- Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945;
- Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;
- Con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;
- Con của liệt sỹ;
- Con của thương binh; con của người hưởng chính sách như thương binh;
- Con của bệnh binh;
- Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

b) Đối tượng 2: Sinh viên bị khuyết tật.

c) Đối tượng 3: Sinh viên (tuổi không quá 22) không có nguồn nuôi dưỡng thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ.

d) Đối tượng 4: Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

e) Đối tượng 5: Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người (*Cống, Mảng, Pu Páo, Si La, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ*) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn.

f) Đối tượng 6: Sinh viên hệ cử tuyển.

Điều 6. Đối tượng được giảm học phí

1. Đối tượng được giảm 70% học phí: Sinh viên người dân tộc thiểu số (không phải là người dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đối tượng được giảm 50% học phí: Sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

Điều 7. Quy trình thủ tục thực hiện chính sách miễn giảm học phí

1. Hồ sơ miễn giảm học phí:

Sinh viên thuộc diện miễn giảm học phí (*trừ sinh viên hệ cử tuyển thuộc đối tượng 6 tại Điều 5*) nộp hồ sơ cho Nhà trường theo quy định sau:

TT	Đối tượng	Hồ sơ cần phải nộp
I	Đối tượng miễn 100% học phí	
1.1	Sinh viên là con của người có công với cách mạng được hưởng ưu đãi	1/ Đơn đề nghị miễn giảm học phí (<i>mẫu tại phụ lục II</i>); 2/ Bản sao Giấy khai sinh; 3/ Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công có con thuộc diện miễn giảm học phí; 4/ Bản sao thẻ Thương bệnh binh của bố/mẹ (nếu có).
1.2	Sinh viên bị khuyết tật	1/ Đơn đề nghị miễn giảm học phí (<i>mẫu tại phụ lục II</i>); 2/ Giấy xác nhận khuyết tật của UBND cấp xã cấp hoặc Quyết định trợ cấp xã hội của UBND cấp huyện.
1.3	Sinh viên (tuổi không quá 22) không có nguồn nuôi dưỡng thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ	1/ Đơn đề nghị miễn giảm học phí (<i>mẫu tại phụ lục II</i>); 2/ Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.
1.4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	1/ Đơn đề nghị miễn giảm học phí (<i>mẫu tại phụ lục II</i>); 2/ Bản sao Giấy khai sinh; 3/ Bản sao Giấy xác nhận hộ nghèo/hộ cận nghèo do UBND cấp xã cấp.

TT	Đối tượng	Hồ sơ cần phải nộp
1.5	Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn	1/ Đơn đề nghị miễn giảm học phí (<i>mẫu tại phụ lục II</i>); 2/ Bản sao Giấy khai sinh; 3/ Bản sao Sổ hộ khẩu thường trú hoặc Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đăng ký thường trú (nếu Sổ hộ khẩu bị thất lạc); 4/ Giấy chứng nhận vùng theo hộ khẩu có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn (nếu có).
II Đối tượng giảm học phí		
2.1	Đối tượng giảm 70% học phí: Sinh viên người dân tộc thiểu số (không phải là người dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	1/ Đơn đề nghị miễn giảm học phí (<i>mẫu tại phụ lục II</i>); 2/ Bản sao Giấy khai sinh; 3/ Bản sao Sổ hộ khẩu thường trú hoặc Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đăng ký thường trú (nếu Sổ hộ khẩu bị thất lạc).
2.2	Đối tượng giảm 50% học phí: Sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	1/ Đơn đề nghị miễn giảm học phí (<i>mẫu tại phụ lục II</i>); 2/ Bản sao Giấy khai sinh; 3/ Bản sao Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp.

2. Thủ tục hồ sơ

- Sinh viên thuộc diện miễn giảm học phí phải làm 01 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả thời gian học tập, riêng sinh viên thuộc đối tượng 4 tại Điều 5 của Quy định này, phải nộp bổ sung giấy xác nhận hộ nghèo hoặc cận nghèo vào đầu mỗi học kỳ;
- Sinh viên thuộc diện miễn giảm học phí nộp các bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn giảm học phí theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 8. Cơ chế miễn, giảm học phí

1. Đối với sinh viên học theo chương trình truyền thống

- Những môn học đăng ký học lần đầu: được miễn giảm học phí ở học kỳ chính theo quy định. Trong học kỳ song song với học kỳ chính, học kỳ hè, cũng được xét miễn giảm tương ứng như với học kỳ chính liền kề trước đó.

- Những môn học đăng ký học lần thứ hai trở đi: đóng 100% học phí theo quy định.
2. Đối với sinh viên học theo chương trình tiên tiến và sinh viên liên thông cao đẳng lên đại học

a/ Sinh viên thuộc diện miễn 100% học phí

- Đối với các môn học lần đầu: sinh viên được miễn 100% học phí bằng mức học phí quy định của chương trình truyền thống. Sinh viên phải đóng phần chênh học phí giữa mức học phí của chương trình tiên tiến hoặc chương trình liên thông với mức học phí được miễn.
- Đối với các môn học lần thứ hai trở đi: đóng 100% học phí theo quy định.

b/ Sinh viên thuộc diện giảm học phí

- Đối với các các môn học lần đầu: sinh viên được giảm học phí bằng 70% hoặc 50% mức học phí quy định của chương trình truyền thống. Sinh viên phải đóng phần chênh học phí giữa mức học phí của chương trình tiên tiến hoặc chương trình liên thông với mức học phí được giảm.
 - Đối với các môn học lần thứ hai trở đi: đóng 100% học phí theo quy định.
3. Việc miễn giảm học phí sẽ được thực hiện trong suốt thời gian sinh viên học tập tại trường, trừ trường hợp có những thay đổi về lý do miễn hoặc giảm học phí.
4. Các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm học phí theo quy định này mà cùng một lúc được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau thì chỉ được hưởng một chế độ ưu đãi cao nhất.
5. Sinh viên thuộc diện được miễn giảm học phí mà cùng một lúc học 2 ngành đào tạo thì chỉ được hưởng chế độ ưu đãi về miễn giảm học phí tại ngành đào tạo thứ nhất.
6. Nhà trường chỉ thực hiện miễn giảm học phí cho sinh viên tính từ thời điểm sinh viên nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định; không giải quyết miễn giảm học phí đối với thời gian đã học từ trước thời điểm sinh viên gửi đơn đề nghị kèm theo các giấy tờ cần thiết có liên quan.
7. Không áp dụng chế độ miễn giảm học phí đối với: sinh viên đang hưởng lương và sinh hoạt phí trong quá trình học tập; Sinh viên đã từng học đại học và được hưởng chế độ miễn, giảm học phí tại một cơ sở giáo dục đại học khác; Sinh viên học liên thông đại học.

CHƯƠNG IV. QUY ĐỊNH VỀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

Điều 9. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập

Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Nhà nước đang học đại học chính quy tại Trường Đại học Thủy lợi.

Không áp dụng hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên: cử tuyển, các đối tượng chính sách được xét tuyển, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo liên thông, văn bằng hai và học đại học sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học.

Điều 10. Mức hỗ trợ chi phí học tập

Mức hỗ trợ chi phí học tập bằng 60% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 10 tháng/năm học/sinh viên.

Điều 11. Thủ tục thực hiện

Vào đầu mỗi học kỳ, sinh viên thuộc diện hỗ trợ chi phí học tập nộp hồ sơ cho Phòng Chính trị và Công tác sinh viên, gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập (*mẫu tại phụ lục III*);
- Bản sao Giấy khai sinh;
- Bản sao Giấy chứng nhận hộ nghèo/ hộ cận nghèo.

CHƯƠNG V. QUY ĐỊNH VỀ HỖ TRỢ HỌC TẬP

Điều 12. Đối tượng được hỗ trợ học tập

Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người (Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ) đang học đại học tại Trường Đại học Thủy lợi.

Điều 13. Mức hưởng và thời gian được hưởng hỗ trợ học tập

1. Mức hỗ trợ học tập bằng 100% mức lương cơ sở/người/tháng.
2. Thời gian được hưởng hỗ trợ: 12 tháng/năm cho sinh viên có thời gian học đủ 9 tháng/năm trở lên; trường hợp sinh viên học không đủ 9 tháng/năm thì được hưởng theo thời gian học thực tế.

Điều 14. Nguyên tắc và thủ tục thực hiện

1. Nguyên tắc hưởng:

- Sinh viên học đồng thời nhiều chương trình đào tạo của Trường Đại học Thủy lợi hoặc học ở nhiều trường đại học khác nhau thì chỉ được hưởng hỗ trợ một lần;
- Sinh viên bị ngừng học thì thời gian ngừng học không được hưởng hỗ trợ. Sinh viên bị buộc thôi học thì thôi hưởng chính sách hỗ trợ ngay sau khi thôi học;
- Sinh viên được hưởng chính sách hỗ trợ học tập quy định tại Nghị định này không được hưởng hỗ trợ chi phí học tập quy định tại Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.

2. Thủ tục thực hiện

Vào đầu mỗi học kỳ, sinh viên thuộc diện hỗ trợ học tập nộp hồ sơ cho Phòng Chính trị và Công tác sinh viên, gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ học tập (*mẫu tại phụ lục IV*);
- Bản sao Giấy khai sinh hoặc Bản sao Sổ hộ khẩu gia đình.

CHƯƠNG VI. QUY ĐỊNH VỀ TRỢ CẤP XÃ HỘI (TCXH)

Điều 15. Đối tượng được hưởng TCXH

Sinh viên đang theo học trong thời gian thiết kế cho chương trình đào tạo của ngành đào tạo thứ nhất ở bậc đại học chính quy tại trường Đại học Thủy lợi thuộc một trong các đối tượng sau đây:

1. Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao;
2. Sinh viên là người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa;
3. Sinh viên là người tàn tật theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 81/CP ngày 23 tháng 11 năm 1995;
4. Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập.

Điều 16. Hồ sơ, mức hưởng và thời gian hưởng TCXH

1. Hồ sơ và mức hưởng TCXH

1.1. Đối với sinh viên dân tộc ít người ở vùng cao:

- Điều kiện: căn cứ để xác định sinh viên là người dân tộc ít người là giấy khai sinh bản gốc hoặc giấy kết hôn của cha mẹ (nếu giấy khai sinh bản gốc bị mất), trong đó có ghi cha hoặc mẹ là người dân tộc ít người; đồng thời sinh viên có hộ khẩu thường trú ở vùng cao ít nhất từ 3 năm trở lên (tính đến thời điểm vào trường Đại học Thủy lợi)

- Hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị được hưởng TCXH (*theo mẫu tại Phụ lục V*);

+ Bản sao Giấy khai sinh của sinh viên (có bản gốc để đối chiếu) hoặc giấy đăng ký kết hôn của cha mẹ trong trường hợp giấy khai sinh bản gốc bị mất;

+ Bản sao Sổ hộ khẩu thường trú hoặc Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đăng ký thường trú (nếu Sổ hộ khẩu bị thất lạc);

- Mức trợ cấp: 140.000đ/tháng.

1.2. Đối với sinh viên mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa:

- Điều kiện: sinh viên là người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa, không có người đỡ đầu chính thức, không có nguồn chu cấp thường xuyên.

- Hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị được hưởng TCXH (*theo mẫu tại Phụ lục V*);

+ Bản sao Giấy khai sinh của sinh viên;

+ Bản sao Giấy chứng tử của cha và mẹ hoặc xác nhận của UBND cấp xã (phường) là cha mẹ đã mất;

+ Xác nhận của cơ quan thương binh xã hội cấp quận, huyện, thị xã trên cơ sở đề nghị của phường, xã nơi sinh viên cư trú: xác nhận sinh viên không có người đỡ đầu chính thức, không có nguồn chu cấp thường xuyên.

- Mức trợ cấp: 100.000đ/tháng.

1.3. Đối với sinh viên là người tàn tật và có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn:

- Điều kiện: Sinh viên là người gặp khó khăn về kinh tế, khả năng lao động bị suy giảm từ 41% trở lên do tàn tật và được Hội đồng y khoa có thẩm quyền xác nhận.
- Hồ sơ gồm:
 - + Đơn đề nghị được hưởng TCXH (theo mẫu tại Phụ lục V);
 - + Biên bản giám định thương tật của Hội đồng Y khoa có thẩm quyền;
 - + Giấy xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn của UBND cấp Xã (Phường).
- Mức trợ cấp: 100.000đ/tháng.

1.4. Đối với sinh viên nghèo vượt khó học tập:

- Điều kiện: Sinh viên có gia đình thuộc diện hộ nghèo, đồng thời có Điểm trung bình chung học kỳ đạt loại Khá trở lên và rèn luyện đạt từ loại Tốt trở lên, không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong học kỳ xét trợ cấp. Trong đó: Điểm trung bình chung học tập của học kỳ xét TCXH tính theo kết quả tổng kết học phần môn học ở lần thi thứ nhất các môn học lần đầu sinh viên đăng ký học trong học kỳ (gồm kỳ chính, kỳ song song và kỳ hè tổ chức trong kỳ chính đó, không bao gồm các môn học: Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng, các môn học thuộc chương trình đào tạo thứ hai), cụ thể:
 - + Kết quả tổng kết học phần môn học ở lần thi thứ nhất các tín chỉ môn học lần đầu không có điểm F;
 - + Số tín chỉ môn học lần đầu đăng ký học & thi trong kỳ phải tối thiểu 15 tín chỉ; hoặc bằng số tín chỉ tối đa mở cho ngành đó ở mỗi học kỳ (gồm kỳ chính & kỳ song song và kỳ hè mở trong kỳ chính đó) nếu số tín chỉ tối đa mở cho ngành học đó trong học kỳ nhỏ hơn 15 tín chỉ (riêng học kỳ cuối sẽ tính với số tín chỉ của Học phần tốt nghiệp). Với những sinh viên có số tín chỉ môn học lần đầu học ít hơn số tín chỉ quy định ở học kỳ xét TCXH (do đã học vượt một số môn ở kỳ trước) nếu có số tín chỉ tích lũy đến thời điểm xét ít nhất bằng số tín chỉ tích lũy quy định theo chương trình đào tạo cũng sẽ được xét TCXH.
- Hồ sơ gồm:
 - + Đơn đề nghị được hưởng TCXH (theo mẫu tại Phụ lục V);
 - + Giấy chứng nhận sinh viên thuộc hộ nghèo do UBND cấp xã xác nhận.
- Mức trợ cấp 100.000đ/tháng.

2. Thời gian hưởng TCXH:

*** Đối với sinh viên học bình thường:**

- Trong một năm TCXH được cấp đủ 12 tháng. Đối với thời gian học năm cuối không đủ 12 tháng thì TCXH được cấp theo số tháng thực học của năm học đó.
- TCXH được cấp hai lần trong năm, mỗi lần cấp 6 tháng, cụ thể như sau:
 - + Lần thứ nhất cấp vào tháng 10 hàng năm;
 - + Lần thứ hai cấp vào tháng 3 hàng năm.

Riêng đối với sinh viên mới nhập học, lần cấp TCXH thứ nhất của khóa học sẽ cấp vào tháng 3 của năm liền sau.

*** Đối với sinh viên thuộc diện dừng học:**

- Sinh viên dừng học do ốm đau, tai nạn: được hưởng TCXH như sinh viên học bình thường.
- Sinh viên dừng học vì lý do cá nhân hoặc bị đình chỉ học tập do kỷ luật: không được hưởng TCXH trong thời gian dừng học hoặc bị đình chỉ. Khi sinh viên được nhập học lại sau khi hết thời hạn kỷ luật, Nhà trường sẽ tiếp tục cấp TCXH cho sinh viên.

*** Đối với sinh viên thuộc diện thôi học:**

Sinh viên tự thôi học hoặc bị kỷ luật buộc thôi học: không được nhận TCXH, kể từ thời điểm thôi học.

Điều 17. Thủ tục thực hiện

1. Sinh viên (*thuộc đối tượng 1.1, 1.2, 1.3 tại khoản 1 Điều 16*): nộp hồ sơ xin hưởng TCXH duy nhất một lần trong toàn khóa học theo quy định. Nhà trường sẽ xét cấp TCXH cho sinh viên đủ điều kiện tính từ thời điểm sinh viên nộp hồ sơ cho đến khi kết thúc khóa học (nếu không có sự thay đổi về đối tượng TCXH).
2. Sinh viên (*thuộc đối tượng 1.4 tại khoản 1 Điều 16*): nộp hồ sơ mỗi kỳ một lần theo quy định, sau khi có kết quả học tập và rèn luyện của học kỳ trước liền kề. Nhà trường sẽ xét cấp TCXH cho sinh viên theo từng học kỳ.
3. Sinh viên thuộc đối tượng được hưởng TCXH không có đơn đề nghị kèm theo đầy đủ các giấy tờ cần thiết theo quy định thì chỉ được hưởng TCXH tính từ ngày sinh viên nộp đầy đủ hồ sơ; không giải quyết cấp TCXH đối với thời gian đã học từ trước thời điểm sinh viên gửi đơn đề nghị kèm theo các giấy tờ cần thiết có liên quan.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Điều khoản thi hành.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị, cá nhân báo cáo Ban Giám hiệu bằng văn bản (*qua Phòng Chính trị và Công tác sinh viên*) để được xem xét giải quyết.
- Các đơn vị, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện quy định này sẽ được xem xét khen thưởng; nếu vi phạm, tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

GS.TS Nguyễn Trung Việt

Phụ lục I

DANH MỤC VÙNG CÓ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ- XÃ HỘI KHÓ KHĂN VÀ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

(Kèm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021)

CÁC VĂN BẢN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN BAN HÀNH DANH MỤC VÙNG, ĐỊA BÀN CÓ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI KHÓ KHĂN VÀ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

- Quyết định 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020.

- Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

- Các quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc quy định mới về phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi (nếu có).

Phụ lục II

BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ
(Dành cho sinh viên thuộc đối tượng miễn giảm học phí
theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ)

Kính gửi: Phòng Chính trị và Công tác sinh viên

Tên em là:Mã số SV:

Ngày, tháng, năm sinh:Số điện thoại:

Lớp:Khoa:

Em chưa được hưởng chế độ miễn giảm học phí ở bất kỳ trường đại học nào và em thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí (*tích vào ô dưới đây*):

1. Là con của người có công với cách mạng được hưởng ưu đãi ☐
(Kèm theo Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công và bản sao thẻ Thương bệnh binh của bố/mẹ (nếu có))

2. Bản thân bị khuyết tật ☐
(Kèm theo Giấy xác nhận khuyết tật của UBND xã hoặc QĐ trợ cấp xã hội của UBND cấp huyện)

3. Bản thân không có nguồn nuôi dưỡng thuộc đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng ☐
(Kèm theo Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện)

4. Bản thân là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo ☐
(Kèm theo bản sao Giấy khai sinh và Giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo)

5. Bản thân là người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn ☐
(Kèm theo bản sao Giấy khai sinh; Sổ hộ khẩu thường trú hoặc Giấy giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đăng ký thường trú, nếu Sổ hộ khẩu bị thất lạc; Giấy chứng nhận vùng theo hộ khẩu có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn (nếu có))

6. Bản thân là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo ☐
(Kèm theo bản sao công chứng Giấy khai sinh; Sổ hộ khẩu thường trú hoặc Giấy giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đăng ký thường trú, nếu Sổ hộ khẩu bị thất lạc)

7. Là con của cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên ☐
(Kèm theo bản sao Giấy khai sinh và Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của bố/mẹ do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp)

Căn cứ vào Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ, em làm đơn này đề nghị được Nhà trường xem xét để được miễn, giảm học phí theo quy định hiện hành.

....., ngày tháng năm 20.....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục III

**BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

**ĐƠN XIN HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
(Dành cho sinh viên thuộc đối tượng hỗ trợ chi phí học tập
theo Quyết định 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ)**

Kính gửi: Phòng Chính trị và Công tác sinh viên

Tên em là:.....Lớp:.....Mã số SV:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....Dân tộc:.....

Hiện có hộ khẩu thường trú tại:.....

.....

Em là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo/hộ cận nghèo năm và em không thuộc đối tượng sinh viên thuộc diện: cử tuyển, các đối tượng chính sách được xét tuyển, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo liên thông, văn bằng hai và học đại học sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học.

Căn cứ vào Quyết định số 66/2013/QĐ-CP ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ, em làm đơn này đề nghị được Nhà trường xem xét hỗ trợ chi phí học tập theo quy định hiện hành.

Em nộp kèm theo đơn này:

- Bản sao công chứng Giấy khai sinh;
- Bản sao công chứng Giấy chứng nhận hộ nghèo/ hộ cận nghèo của năm

....., ngày tháng năm 20.....

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục IV

**BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

**ĐƠN XIN HỖ TRỢ HỌC TẬP
(Dành cho sinh viên thuộc đối tượng hỗ trợ học tập
theo Nghị định 57/2017/NĐ-TTg ngày 09/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ)**

Kính gửi: Phòng Chính trị và Công tác sinh viên

Tên em là:.....Lớp:.....Mã số SV:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....Dân tộc:.....

Hiện có hộ khẩu thường trú tại:.....

.....

Căn cứ vào Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ, em làm đơn này đề nghị được Nhà trường xem xét hỗ trợ học tập theo quy định hiện hành.

Em nộp kèm theo đơn này: Bản sao công chứng Giấy khai sinh hoặc Sổ hộ khẩu gia đình.

....., ngày tháng năm 20.....

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục V

BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI

Kính gửi: Phòng Chính trị và Công tác sinh viên

Tên em là:.....Lớp:.....Mã số SV:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Hiện có hộ khẩu thường trú tại:.....

Em thuộc đối tượng được hưởng Trợ cấp xã hội (tích vào ô dưới đây):

1. Là người dân tộc ít người ở vùng cao ☐

(Kèm theo bản sao công chứng giấy khai sinh hoặc giấy xác nhận dân tộc và
Sổ hộ khẩu gia đình)

2. Là người mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa ☐

(Kèm theo bản sao công chứng giấy khai sinh; giấy chứng tử của cha và mẹ hoặc xác
nhận của UBND cấp Xã (Phường) là cha mẹ đã mất; và xác nhận của cơ quan thương
binh xã hội cấp quận, huyện, thị xã)

3. Bản thân bị tàn tật có khó khăn về kinh tế ☐

(Kèm theo Biên bản giám định thương tật của Hội đồng Y khoa có thẩm quyền; và
Giấy xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn của UBND cấp Xã/Phường)

4. Bản thân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập..... ☐

Trong đó học kỳ ... năm học 20... – 20... có:

- Điểm trung bình học tập (thang điểm 4) đạt:

- Xếp loại kết quả rèn luyện:

(Kèm theo Sổ hoặc Giấy chứng nhận sinh viên thuộc hộ nghèo năm 20.....)

Nay em làm đơn này đề nghị Nhà trường xem xét, giải quyết chế độ trợ cấp xã hội cho
em theo quy định hiện hành.

....., ngày tháng năm 20.....

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)